

Tiết 5

PHÂN SỐ THẬP PHÂN

1. Viết cách đọc các phân số thập phân (theo mẫu) :

a) $\frac{5}{10}$: năm phần mười ; $\frac{65}{100}$: sáu mươi lăm phần trăm

$\frac{9}{10} = \dots\dots\dots$; $\frac{21}{100} : \dots\dots\dots$

b) $\frac{306}{1000}$: ba trăm linh sáu phần nghìn

$\frac{625}{1000} : \dots\dots\dots$

c) $\frac{1954}{1000000}$: một nghìn chín trăm năm mươi tư phần triệu

$\frac{2005}{1000000} : \dots\dots\dots$

2. Viết phân số thập phân thích hợp vào chỗ chấm :

Bảy phần mười : ; Hai mươi phần trăm :

Bốn trăm bảy mươi lăm phần nghìn :

Một phần triệu :

3. Khoanh vào phân số thập phân :

$\frac{3}{7}$; $\frac{4}{10}$; $\frac{100}{34}$; $\frac{17}{1000}$; $\frac{69}{2000}$

4. Viết số thích hợp vào ô trống :

a) $\frac{7}{2} = \frac{7 \times \square}{2 \times \square} = \frac{\square}{10}$;

b) $\frac{6}{30} = \frac{6 : \square}{30 : \square} = \frac{\square}{10}$

c) $\frac{3}{4} = \frac{3 \times \square}{4 \times \square} = \frac{\square}{100}$;

d) $\frac{64}{800} = \frac{64 : \square}{800 : \square} = \frac{\square}{100}$